

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 29-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Võ Thị Hồng Luyện
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 83/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bành Thị Kim O – sinh năm 1992; cư trú tại xóm C, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tấn V – sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; cư trú tại thôn E, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Tấn V là bị đơn.

(Chị Bành Thị Kim O và anh Nguyễn Tấn V đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bành Thị Kim O trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tấn V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/5/2012. Quá trình chung sống, chị và anh V phát sinh nhiều mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Anh V còn đánh bạc, nhiều lần nhậu say có lời nói xúc phạm đến danh dự, có hành động xâm phạm đến sức khỏe của chị và các con; vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng mặc dù đã có nhiều biện pháp khắc phục, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Vũ Gia H - sinh ngày 06/11/2012 và cháu Nguyễn Vũ Gia B - sinh ngày 21/9/2014, hiện đang sinh sống cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu H và cháu B đủ 18 tuổi.

Hiện chị làm nghề buôn bán tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; thời gian làm việc trong giờ hành chính, thu nhập ổn định, có nhà ở; cháu H và cháu B đang học tại xã B, nên chị có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, chị với anh V tạo lập nhiều tài sản chung nhưng anh V nhờ người khác đứng tên. Chị chỉ biết tài sản chung là xe ô tô nhãn hiệu Honda, loại xe City, biển kiểm soát 43A-204.57 do anh V mua từ người khác bằng tiền chung của vợ chồng, nhưng chỉ viết giấy tay, chưa làm thủ tục đổi chủ sở hữu. Ngoài tài sản chung là xe ô tô nêu trên, chị không yêu cầu chia tài sản chung nào khác. Quá trình giải quyết vụ án, chị rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này. Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung, chị sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai ngày 04/01/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Tấn V trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị O về quan hệ hôn nhân và con chung. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ bất đồng quan điểm trong việc giáo dục các con và lựa chọn nơi cư trú. Hiện anh và chị O không còn chung sống với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dưỡng các con trưởng thành, nhưng chị O cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con. Anh kinh doanh tại thành phố Đà Nẵng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, có thu nhập và nhà ở ổn định tại thành phố Đà Nẵng, nên anh có đủ điều kiện, khả năng để nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Bản án số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử:*

1. Chị Bành Thị Kim O được ly hôn anh Nguyễn Tấn V.
2. Giao cháu Nguyễn Vũ Gia H - sinh ngày 06/11/2012 và cháu Nguyễn Vũ Gia B - sinh ngày 21/9/2014 cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và phải có nghĩa vụ giao con chung để chị O thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Vũ Gia H và cháu Nguyễn Vũ Gia B là 1.500.000 đồng/tháng/cháu; thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 30/5/2023 cho đến khi cháu H và cháu B đủ 18 tuổi.

4. Đình chỉ xét xử sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện của chị O về việc chia tài sản chung là xe ô tô nhãn hiệu Honda, loại xe City, biển kiểm soát 43A-204.57.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 12/6/2023, anh Nguyễn Tấn V có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, giao cho anh được nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu H và cháu B; anh không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên về quan hệ hôn nhân, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Bành Thị Kim O và anh Nguyễn Tấn V cho chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 30/5/2023, Tòa án nhân dân huyện B xét xử vụ án nêu trên. Ngày 12/6/2023, anh Nguyễn Tấn V có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Tấn V về việc yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Gia H và cháu Nguyễn Vũ Gia B, không yêu cầu chị Bành Thị Kim O cấp dưỡng nuôi con; tại phiên tòa phúc thẩm, anh V đề nghị trường hợp anh không được nuôi 02 con chung thì anh yêu cầu được nuôi cháu Gia B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V và chị O đều thừa nhận từ ngày chị O có đơn khởi kiện (ngày 02/12/2022) đến nay thì anh V và chị O không sống chung với nhau; chị O là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu B; hai cháu đều phát triển tốt về mọi mặt. Anh V và chị O đều xác định có thu nhập, có chỗ ở ổn định và đều có nguyện vọng được nuôi hai con chung nhưng cháu H và cháu B đều còn nhỏ nên việc trông nom, chăm sóc của người mẹ sẽ tốt hơn; hơn nữa, cháu H và cháu B cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, cháu H chuẩn bị vào lớp 6, cháu B chuẩn bị vào lớp 4; cả hai cháu đều học tại Trường thuộc xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Anh V đang làm việc tại thành phố Đà Nẵng; trường hợp giao cháu H và cháu B cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng thì phải thay đổi về chỗ ở, trường học trong khi cháu H và cháu B chuẩn bị vào năm học mới, sẽ rất khó khăn trong việc hòa nhập môi trường mới. Do đó, để hạn chế việc xáo trộn về mọi mặt, ảnh hưởng đến

việc sinh hoạt, học tập của hai cháu. Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu H và cháu B cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh V.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, anh V và chị O đều xác định hiện cháu H và cháu B đang ở với chị O. Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giao cháu H và cháu B cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng lại tuyên buộc anh V phải có nghĩa vụ giao con chung để chị O thực hiện việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là không phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên cho chính xác.

[2.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh V thống nhất trường hợp chị O trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng hai con chung thì anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con như bản án sơ thẩm đã tuyên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên hòa giải ngày 04/01/2023 (**bút lục 53-56**) và tại phiên tòa sơ thẩm, anh V và chị O thỏa thuận tự nguyện ly hôn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, mà tuyên chị O được ly hôn anh V là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị O và anh V.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo, nên anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0003446 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Anh V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Tấn V; sửa bản án số 20/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B về cách tuyên.

1. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Bành Thị Kim O và anh Nguyễn Tấn V.

2. Giao cháu Nguyễn Vũ Gia H - sinh ngày 06/11/2012 và cháu Nguyễn Vũ Gia B - sinh ngày 21/9/2014 cho chị Bành Thị Kim O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Tấn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Buộc anh Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Nguyễn Vũ Gia H và cháu Nguyễn Vũ Gia B, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (*một triệu năm trăm ngàn*). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 30/5/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Vũ Gia H và cháu Nguyễn Vũ Gia B đủ 18 tuổi.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị Bành Thị Kim O đã rút về việc chia tài sản chung là xe ô tô nhãn hiệu Honda, loại xe City, biển kiểm soát 43A-204.57.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bành Thị Kim O tự nguyện chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.550.000 đồng (*sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn*) theo Biên lai số 0005121 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Chị Bành Thị Kim O được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 6.400.000 đồng (*sáu triệu bốn trăm ngàn*).

Anh Nguyễn Tấn V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Tấn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0003446 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Nguyễn Tấn V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan